TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 10-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 về: tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 4A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà H có mặt, bà H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hồ Thị Kim H trình bày:

Bà có cho bà Trần Thị Thu H1 vay số tiền 21.000.000 đồng thời gian không nhớ rõ, không làm giấy tờ gì, thỏa thuận lãi suất là 2% tháng, hẹn trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến ngày 05/11/2016 giữa hai bên có làm giấy nợ thể hiện nội dung tiền gốc là 21.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày chốt nợ là 11.500.000 đồng, bà H1 hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không trả nên ngày 27/6/2018 bà H khởi kiện đến Tòa án. Quá trình Tòa án làm việc bà H1 hứa sẽ trả tiền cho bà nên bà rút đơn. Nhưng từ khi rút đơn đến nay bà H1 chỉ trả được số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 11/2016 đến ngày xét xử, tính tròn 36 tháng, lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 18.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Thu H1 không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật dân sự 2005: Đối với nợ gốc, buộc bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 18.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định trên số tiền gốc

18.000.000 đồng từ tháng 11/2006 là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim H, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thu H1 đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

Về nội dung vụ án:

[3] Theo bản tự khai ngày 05/7/2016, biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2018 thu thập trong hồ sơ dân sự thụ lý số 159/2018/TLST-DS ngày 27/6/2018 bà Trần Thị Thu H1 trình bày ý kiến: bà có vay 21.000.000 đồng của bà H từ ngày 25/8/2014, lãi suất 5%/tháng. Bà trả tiền lãi cho bà H hàng tháng cho đến tháng 02/2016 thì không còn khả năng trả lãi nữa. Ngày 05/11/2016 bà có viết giấy nợ cho bà H nội dung: nợ tiền gốc là 21.000.000 đồng, tiền lãi là 11.500.000 đồng, hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau đó bà phát hiện mình tính sai tiền lãi, tiền lãi đúng chỉ 10.500.000 đồng nên bà ghi lại tiền gốc là 20.000.000 đồng trong giấy nợ để trừ lại 1.000.000 đồng tiền lãi tính sai. Bà H1 cho rằng tính đến tháng 02/2018 bà đã trả xong cho bà H tiền gốc 21.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại tiền lãi là 10.500.000 đồng. Như vậy, bà H1 thừa nhận có vay tiền của bà H số tiền gốc là 21.000.0000 đồng đã phù hợp với lời trình bày

của bà H cũng như nội dung giấy nợ thể hiện, do đó có đủ cơ sở xác định việc vay tiền là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của các bên.

[4] Bà H1 xác định đã trả cho bà H tiền lãi từ tháng 8/2014 đến tháng 02/2016 với lãi suất 5%/ tháng cũng như đã trả tiền gốc 21.000.000 đồng, tuy nhiên bà H không thừa nhận. Bà H1 không có chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ cho bà H. Bà không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án trong vụ án đã thụ lý ngày 27/6/2018. Sau khi hai bên thỏa thuận để trả dần, bà H rút đơn khởi kiện thì bà H1 trả cho bà H được 3.000.000 đồng rồi ngưng. Bà H khởi kiện lại, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử bà H1 không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà H cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả xong nợ gốc. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự bà H1 có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền gốc 21.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết. Bà H cho rằng lãi suất khi cho vay là 2%/ tháng, bà H1 trình bày khi vay lãi suất là 5%/ tháng, giấy nợ không thể hiện lãi suất thỏa thuận giữa hai bên nên thuộc trường hợp không xác định rõ lãi suất thì cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ là 0.75%/tháng. Bà H yêu cầu tính lãi từ tháng 11/2016 đến ngày xét xử, tính tròn 36 tháng, lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc 18.000.000 đồng xét thấy là phù hợp với quy định tại các Điều 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận, tiền lãi tính cụ thể như sau: 18.000.000 đồng x 0.75% x 36 tháng =

4.860.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Hồ Thị Kim H đối với bà Trần Thị Thu H1.

Buộc bà Trần Thị Thu H1 có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Kim H số tiền tổng cộng là 22.860.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi là 4.860.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Trần Thị Thu H1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.143.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Bà Hồ Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 450.000 đồng theo biên lai thu số 0006326 ngày 24/9/2019 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thúy Liễu